

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8- BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HS- ST
Ngày 10- 3- 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bình Thái.

Bà Lê Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Huy– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 173/2026/TLST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2026/ QĐXXST- HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với các bị cáo:

1- Vũ Đình T, sinh năm 2001.

Nơi cư trú: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Vũ Đình T1 và bà Trần Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 19/2020/HS- ST ngày 29/4/2020 của Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng (nay là khu vực 4), tỉnh Lạng Sơn xử phạt T 05 năm 06 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 2 Điều 190 BLHS năm 2015, chấp hành xong toàn bộ Bản án ngày 16/04/2024; tiền sự, nhân thân: Chưa có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T, trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh B. Được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

2- Hoàng Văn A, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Sán Diu; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; con ông: Hoàng Tiến H (đã chết) và bà Từ Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T, trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh B. Được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

3- Lý Minh Đ, sinh năm 2005.

Nơi cư trú: Bản Y, xã T, tỉnh Lai Châu; dân tộc: Hà Nhì; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông: Lý Go S và bà Lý Lò X; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh B. Được trích xuất, có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa của bị cáo Lý Minh Đ: Bà Nguyễn Thị H1- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T5. Có mặt.

4- Vũ Văn H2, sinh năm 2004.

Nơi cư trú: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Vũ Văn H3 và bà Hoàng Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Chưa có; bị tạm giữ từ ngày 08/11/2025 đến ngày 17/11/2025, hiện đang áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Công ty TNHH K1.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Q, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Chị Phan Thị H4, sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Khu dân cư P, phường C, thành phố Hải Phòng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Đào Duy K- Luật sư, Công ty L. Có mặt.

Địa chỉ: Số F, đường N, phường T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/11/2025, Công an phường Đ, tỉnh Bắc Ninh nhận được đơn trình báo của chị Phan Thị H4, sinh năm 1994, Hộ khẩu thường trú (HKTT): Khu dân cư P, phường C, thành phố Hải Phòng về việc: Tại Công ty TNHH K1 có địa chỉ khu công nghiệp Q, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh vào các ngày 06/7/2025, 07/7/2025, 03/8/2025 và 04/8/2025, Công ty bị kẻ gian trộm cắp mất nhiều thiết bị phục vụ sản xuất gồm: 02 thanh đồng mạ tròn, kích thước khoảng hơn 5 mét/ 1 thanh, có giá trị là 21.000.000đ/ 1 thanh, tổng là 42.000.000 đồng; 04 thanh đồng mạ vuông, kích thước khoảng hơn 5 mét/ 1 thanh, có giá trị là 38.500.000đ/ 1 thanh, tổng là 154.000.000 đồng; 150 mét dây cáp điện gồm 20 đoạn dây cáp có kích thước khác nhau dài ngắn khác nhau, bên trong có lõi đồng, có giá trị là 1.090.000đ /1 mét, tổng giá trị là 163.000.000 đồng. Toàn bộ dây cáp điện, thanh đồng mạ tròn, thanh đồng mạ vuông đều đã lắp vào line (truyền sản xuất) nhưng chưa sử dụng. Ngoài ra, chi phí nhân công lắp đặt những thiết bị trên là 34.000.000 đồng. Như vậy, tổng thiệt hại của công ty có giá trị là 393.500.000 đồng.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo, trên cơ sở các biện pháp nghiệp vụ Công an phường Đ đã tiến hành triệu tập Vũ Đình T, sinh năm 2001, HKTT: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Hoàng Văn A, sinh năm 2003, HKTT: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên; Lý Minh Đ, sinh năm

2005, HKTT: Bản Y, xã T, tỉnh Lai Châu và Vũ Văn H2, sinh năm 2004, HKTT: Xóm K, xã T, tỉnh Thái Nguyên đến làm việc. Tại Công an T, Văn A, Đ, H2 đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận:

Vũ Đình T, Hoàng Văn A, Lý Minh Đ đều cùng làm công nhân tại Công ty TNHH K1 và H2 là bạn quen biết ngoài xã hội của T. Trong quá trình làm việc tại đây, do thấy xưởng sản xuất của công ty có nhiều sơ hở nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản là các thanh đồng và dây cáp điện tại các bể mạ điện của Công ty để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do vậy, T đã rủ Văn A, Đ và H2 thực hiện trộm cắp tài sản của công ty, tất cả đồng ý. Trong thời gian từ tháng 6 năm 2025 đến tháng 09 năm 2025, T cùng Văn A, Đ, H2 đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 lần của công ty cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Vào buổi tối một ngày đầu tháng 6/2025 (cả ba không nhớ chính xác ngày, giờ), T thống nhất bàn bạc cùng với Đ và Văn A đến công ty TNHH K1 để trộm cắp tài sản, tất cả đồng ý và cùng nhau đi đến tường rào phía sau của công ty TNHH K1. Đến nơi, T và Văn A kéo lưới sắt tường rào sang một bên rồi trèo tường vào bên trong công ty, còn Đ ở ngoài bãi đất trống sau tường rào cảnh giới. Sau đó, thấy cửa xưởng sản xuất mở, T và Văn A đi qua cửa vào bể mạ điện rồi đi vào bên trong đến chuyền sản xuất tháo và lấy 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 3 mét/1 đoạn được gá vào bể chứa nước chờ lắp đặt để đưa vào sản xuất sử dụng và 01 thanh đồng hình trụ tròn có đường kính 30 mm, dài 5300 mm rồi khiêng ra tường rào đối diện cửa ra vào xưởng sản xuất, đẩy thanh đồng và dây cáp điện qua tường rào ra bãi đất trống phía sau công ty. Tiếp đó, T và Văn A trèo tường ra ngoài cùng Đ kéo thanh đồng và dây điện ra bãi đất trống thuộc cánh đồng gần công ty rồi T, Văn A và Đ sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị từ trước đó cửa thanh đồng và dây cáp điện thành nhiều đoạn nhỏ rồi mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường Quốc lộ 18 từ khu công nghiệp Q đến khu công nghiệp Q. Số tiền bán được T, Văn A và Đ chia nhau tiêu cá nhân hết. (T, Văn A, Đ không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu)

Lần thứ hai:

Với thủ đoạn như trên, khoảng 20 giờ ngày 15/6/2025, T điện thoại rủ H2 đi trộm cắp tài sản tại Công ty TNHH K1, H2 đồng ý. T và H2 đã trộm cắp được 02 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm rồi khiêng ra tường rào, đẩy qua tường rào ra bãi đất trống phía sau công ty. Tiếp đó, T và H2 sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị mang theo từ trước cửa thanh đồng thành nhiều đoạn nhỏ rồi mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường. Số tiền bán được T và H2 chia nhau mỗi người khoảng 7.000.000 đồng, số tiền này T và H2 ăn tiêu cá nhân hết (T, H2 không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu).

Lần thứ ba:

Với thủ đoạn như trên, khoảng 21 giờ ngày 29/6/2025, T và Văn A thống nhất bàn bạc đến Công ty K1 để trộm cắp tài sản. Tại bể mạ điện của Công ty, T và Văn A trộm cắp được 01 thanh đồng hình trụ tròn có đường kính 30 mm, dài 5300 mm khiêng ra tường rào rồi tiếp tục đi vào vị trí tủ điện đối diện bể mạ điện lấy 04 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C

1Cx300 SQMM loại dây dài 7,3 mét/1 đoạn khiêng ra tường rào, đẩy thanh đồng và các đoạn dây cáp điện qua tường rào ra bãi đất trống phía sau công ty. Tiếp đó, T và Văn A sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị mang theo từ trước đó cưa thanh đồng thành nhiều đoạn nhỏ xong mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường. Số tiền bán được T, Văn A chia nhau tiêu cá nhân hết (T, Văn A không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu).

Lần thứ 4:

Với thủ đoạn như trên, khoảng 23 giờ ngày 06/07/2025, T và Văn A đã trộm cắp được 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn rồi khiêng ra tường rào, đẩy qua tường rào ra bãi đất trống phía sau công ty. Sau đó, T và Văn A sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị mang theo từ trước cắt thành nhiều đoạn nhỏ xong mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường. Số tiền bán được T, Văn A chia nhau tiêu cá nhân hết (T, Văn A không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu).

Lần thứ 5:

Với thủ đoạn như trên, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/8/2025, T và Văn A đã trộm cắp được 6 đoạn dây điện gồm: 02 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 13,5 mét/1 đoạn; 03 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn; 1 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 3 mét và 01 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm rồi khiêng ra tường rào, đẩy qua tường rào ra bãi đất trống thuộc cánh đồng gần công ty. Sau đó, T và Văn A sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị mang theo từ trước đó cưa thanh đồng thành nhiều đoạn nhỏ xong mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường. Số tiền bán được T, Văn A chia nhau tiêu cá nhân hết (T, Văn A không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu).

Lần thứ 6:

Với thủ đoạn như trên, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/9/2025, T, Đ và Văn A đã trộm cắp được 01 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm và tổng 04 đoạn dây gồm: 02 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 13,5 mét/1 đoạn và 02 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn rồi khiêng ra tường rào, đẩy qua tường rào ra bãi đất trống thuộc cánh đồng gần công ty. Sau đó, T, Đ và Văn A sử dụng máy cắt cầm tay chạy pin do T chuẩn bị mang theo cưa thanh đồng thành nhiều đoạn nhỏ xong mang đi bán tại nhiều cửa hàng mua bán phế liệu dọc đường. Số tiền bán được T, Văn A, Đ chia nhau tiêu cá nhân hết (T, Văn A, Đ không nhớ chính xác số tiền ăn chia là bao nhiêu).

* Về định giá tài sản:

- Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 15/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân phường Đ kết luận:

“Dây cáp điện mềm 1C x 300, số lượng 153,6m, giá trị 1.000.000 đồng/m, tổng giá trị 153.600.000 đồng;

Đồng đồ hình trụ tròn có đường kính 30mm, dài 5300mm, số lượng 02 thanh, giá trị 20.000.000 đồng/thanh, tổng giá trị 40.000.000 đồng;

Đồng đồ hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300)mm, số lượng 04 thanh, giá trị 35.000.000 đồng/thanh, tổng giá trị 140.000.000 đồng;

Tổng giá trị thiệt hại của tài sản là: 333.600.000 đồng”.

* Về thu giữ vật chứng:

- Quá trình điều tra, thu giữ 01 đĩa DVD lưu giữ 10 đoạn video được trích xuất từ camera an ninh của công ty TNHH K1, ghi lại hình ảnh các đối tượng trộm cắp tài sản ngày 15/6/2025; ngày 29/06/2025; ngày 07/07/2025; ngày 03/08/2025; ngày 01/09/2025, do chị Phan Thị H4 – Là người được uỷ quyền đại diện công ty TNHH K2 giao nộp phục vụ quá trình điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các đoạn thanh đồng và dây cáp điện các bị cáo đã bán Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra thông báo truy tìm, đến nay chưa tìm thấy.

- Đối với chiếc máy cắt cầm tay mà Vũ Đình T đã sử dụng để cắt các tài sản trộm cắp. Trong quá trình đi về nhà tại Thái Nguyên, T đã vứt bỏ chiếc máy cắt này ở dọc đường đi đến nay không xác định được vị trí đã vứt bỏ ở đâu. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B đã ra thông báo truy tìm, đến nay chưa thu giữ được.

- Đối với 02 điện thoại di động của T và H2 liên lạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản, do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên T và H2 đã bán, cụ thể bán cho ai T và H2 không nhớ. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm, đến nay chưa tìm thấy.

* Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện Công ty TNHH K1 yêu cầu các đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của công ty phải bồi thường tổng số tiền 550.000.000 đồng bao gồm 333.600.000 đồng là số tiền của tài sản đã bị thiệt hại của Công ty và chi phí lắp đặt là 60.436.986 đồng, chi phí thiệt hại uy tín do ngừng sản xuất là số tiền 95.963.014, chi phí thuê luật sư là 60.000.000 đồng. Đến nay các bị cáo chưa bồi thường, khắc phục hậu quả. Quá trình làm việc, các gia đình đại diện cho các bị cáo chỉ thống nhất bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi các bị cáo gây ra là số tiền theo kết luận định giá tài sản là 333.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 108/CT- VKS- KV8 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh truy tố bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A về tội “ Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lý Minh Đ, Vũ Văn H2 về tội “ Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà đại diện bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại xin rút phần yêu cầu tiền chi phí mời luật sư 60.000.000 đồng, tiền chi phí thiệt hại uy tín do ngừng sản xuất số tiền 95.963.014.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Đình T từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn A từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Lý Minh Đ từ 30 tháng tù đến 34 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2025.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 ; Điều 38 và Điều 65 BLHS: Xử phạt bị cáo Vũ Văn H2 từ 26 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 năm 04 tháng đến 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên quản lý, theo dõi.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS.

Các bị cáo liên đới bồi thường cho công ty K1 tổng số tiền là 153.127.000 đồng. Trong đó:

Vũ Đình T: 74.000.000 đồng.

Hoàng Văn A: 49.109.000 đồng.

Lý Minh Đ: 15.109.000 đồng

Vũ Văn H2: 14.909.000đồng.

Về án phí: Bị cáo T, A và H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo Lý Minh Đ.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lý Minh Đ trình bày: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh truy tố bị cáo là đúng quy định của pháp luật, bị cáo có nhân thân tốt, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là thành khẩn, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2025 đến tháng 09 năm 2025, tại Công ty TNHH K1 có địa chỉ khu công nghiệp Q, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của Công ty, Vũ Đình T, Hoàng Văn A, Lý Minh Đ và Vũ Văn H2 đã thực hiện những hành vi trộm cắp tài sản gồm:

- Vào buổi tối một ngày đầu tháng 6/2025, T, Đ và Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 3 mét/1 đoạn được gá vào bể chứa nước chờ lắp đặt để đưa vào sản xuất sử dụng và lấy 01 thanh đồng hình trụ tròn có đường kính 30 mm, dài 5300 mm tổng trị giá 29.000.000 đồng.

- Khoảng 20 giờ ngày 15/6/2025, T và H2 đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm tổng trị giá 70.000.000 đồng.

- Khoảng 21 giờ ngày 29/6/2025, T và Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 thanh đồng hình trụ tròn có đường kính 30 mm, dài 5300 mm và 04 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1C x 300 SQMM loại dây dài 7,3 mét/1 đoạn tổng trị giá 49.200.000 đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 06/07/2025, T và Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 03 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn tổng trị giá 21.900.000 đồng.

- Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 03/8/2025, T và Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 đoạn dây cáp điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 13,5 mét/1 đoạn; 03 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn; 1 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 3 mét và 01 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm tổng trị giá 86.900.000 đồng.

- Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 01/9/2025, T, Đ và Văn A đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 thanh đồng hình chữ nhật có kích thước (20 x 80 x 5300) mm; 02 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 13,5 mét/1 đoạn và 02 đoạn dây điện nhãn hiệu Cu/PVC 70C 1Cx300 SQMM dài 7,3 mét/1 đoạn tổng trị giá 76.600.000 đồng.

Như vậy, Vũ Đình T đã thực hiện 06 lần trộm cắp với tổng giá trị là 333.600.000 đồng, Hoàng Văn A đã thực hiện 05 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 263.600.000 đồng, Lý Minh Đ đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản với tổng giá trị là 105.600.000 đồng, Vũ Văn H2 đã thực hiện 01 lần trộm cắp tài sản với giá trị là 70.000.000 đồng. Hiện các tài sản chưa thu hồi được. Cáo trạng số 108/CT- VKS- KV8 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Bắc Ninh truy tố các bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lý Minh Đ và Vũ Văn H2 về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo:

Giữ vai trò cao nhất trong vụ án là bị cáo Vũ Đình T, bởi lẽ bị cáo là người khởi xướng rõ ràng các bị cáo phạm tội, mặt khác bị cáo là người thực hiện nhiều hành vi phạm tội nhất (06 lần) nên bị cáo phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Giữ vai trò thứ hai là bị cáo Hoàng Văn A (phạm tội 05 lần); tiếp theo là bị cáo Lý Minh Đ (phạm tội 02 lần) và giữ vai trò sau cùng là bị cáo Vũ Văn H2. Do đó các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[6] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy:

Về nhân thân: Bị cáo Vũ Đình T có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hình sự. Các bị cáo Hoàng Văn A, Lý Minh Đ và Vũ Văn H2 có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Văn H2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A và Lý Minh Đ thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; ngoài ra bị cáo Vũ Đình T đã bị xét xử 05 năm 06 tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng; bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 16/04/2024 chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả (T đã bồi thường 90.200.000 đồng, Văn A đã bồi thường 80.200.000 đồng, H2 đã bồi thường 35.200.000 đồng, Đ đã bồi thường 35.200.000 đồng) đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A và Vũ Văn H2 cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Vũ Văn H2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt. Giao cho UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Hiện nay các bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A và Lý Minh Đ đang bị tạm giam, cần tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH K1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 550.000.000 đồng bao gồm 333.600.000 đồng là số tiền của tài sản đã bị thiệt hại của Công ty, chi phí lắp đặt là 60.436.986 đồng, chi phí thiệt hại uy tín do ngừng sản xuất là số tiền 95.963.014, chi phí thuê luật sư là 60.000.000 đồng. HĐXX xét thấy đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản 333.600.000 đồng do các bị cáo đã gây ra và số tiền chi phí lắp đặt là 60.436.986 đồng là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền thiệt hại, trong vụ án này do các bị cáo nhiều lần phạm tội và giá trị tài sản khác nhau nên cần buộc các bị cáo phải

bồi thường thiệt hại của từng bị cáo đã gây ra. Cụ thể bị cáo Vũ Đức T3 phải bồi thường 149.200.000 đồng, bị cáo Hoàng Văn A phải bồi thường 114.200.000 đồng, bị cáo Lý Minh Đ phải bồi thường 35.200.000 đồng và bị cáo Vũ Văn H2 phải bồi thường 35.000.000 đồng. Đối với số tiền lấp đất không xác định được mức bồi thường của từng bị cáo nên các bị cáo cùng phải bồi thường bằng nhau. Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 15.109.246,5 đồng (làm tròn 15.109.000 đồng).

Đối với yêu cầu bồi thường chi phí thiệt hại uy tín do ngừng sản xuất số tiền 95.963.014, chi phí thuê luật sư số tiền 60.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện bị hại xin rút yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Như vậy, cần buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền cụ thể như sau:

Vũ Đức T3 149.200.000 đồng + 15.109.000 đồng = 164.309.000 đồng.

Hoàng Văn A 114.200.000 đồng + 15.109.000 đồng = 129.309.000 đồng

Lý Minh Đ 35.200.000 đồng + 15.109.000 đồng = 50.309.000 đồng.

Vũ Văn H2 35.000.000 đồng + 15.109.000 đồng = 50.109.000 đồng.

Các bị cáo T3, A, H2, Đ đã bồi thường để khắc phục hậu quả, số tiền này được trừ vào số tiền buộc các bị cáo phải bồi thường, cụ thể:

Nguyễn Đức T4 164.309.000 đồng – 90.200.000 đồng = 74.000.000 đồng.

Hoàng Văn A 129.309.000 đồng – 80.200.000 đồng = 49.109.000 đồng.

Lý Minh Đ 50.309.000 đồng – 35.200.000 đồng = 15.109.000 đồng

Vũ Văn H2 50.109.000 đồng – 35.200.000 đồng = 14.909.000 đồng.

[8] Về vật chứng vụ án và các biện pháp tư pháp: HĐXX không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo T4, A, H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lý Minh Đ là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A, Lý Minh Đ và Vũ Văn H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Đình T 08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Đức T3.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn A 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn A.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Lý Minh Đ 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lý Minh Đ.

1.4. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn H2 02** (hai) năm **02** (hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Văn H2.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Vũ Đình T, Hoàng Văn A và Lý Minh Đ 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

Giao bị cáo Vũ Văn H2 cho UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Đình T phải bồi thường cho Công ty TNHH K1 tổng số tiền là 164.309.000 đồng, được trừ vào số tiền 90.200.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000618 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo phải nộp tiếp số tiền 74.109.000 đồng (Bảy mươi tư triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Hoàng Văn A phải bồi thường cho Công ty TNHH K1 tổng số tiền là 129.309.000 đồng, được trừ vào số tiền 80.200.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000617 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo phải nộp tiếp số tiền 49.109.000 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lý Minh Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH K1 tổng số tiền là 50.309.000 đồng, được trừ vào số tiền 35.200.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số

0000628 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo phải nộp tiếp số tiền 15.109.000 đồng (Mười năm triệu một trăm linh chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo Vũ Văn H2 phải bồi thường cho Công ty TNHH K1 tổng số tiền là 50.109.000 đồng, được trừ vào số tiền 35.200.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000615 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Bị cáo phải nộp tiếp số tiền 14.909.000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Vũ Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 3.705.000 đồng án phí DSST.

Buộc Hoàng Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 2.455.000 đồng án phí DSST.

Buộc Vũ Văn H2 phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 745.000 đồng án phí DSST.

Miễn toàn bộ án phí HSST và án phí DSST cho Lý Minh Đ.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 8- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Bắc Ninh (PV 06);
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh(PC 02);
- Bị cáo; bị hại;
- Trại tạm giam số 1- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Hợp

